

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2025

V/v tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hoàng Ân

2. Ông Trần Văn Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: không tham gia

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1977 “vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Minh Q, sinh năm 1975 “vắng mặt”.

3. *Người làm chứng:* Võ Ngọc Yến K, sinh năm 2006 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/02/2025 và bản tự khai cùng ngày nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc T trình bày: Chị và anh Võ Minh Q thành hôn vào năm 1995 nhưng đến ngày 11 tháng 4 năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được 28 năm nhưng không hạnh phúc, nguyên nhân do anh Võ Minh Q đi nhậu về gây chuyện, chửi vợ, con. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được,

mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Minh Q.

Vợ chồng có 02 con chung là: Võ Thanh T, sinh ngày 12/12/2097 và Võ Thị Yến K, sinh ngày 17/8/2006 hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu gì.

Tài sản chung, nợ chung tự thỏa Tân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh Võ Minh Q không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt, người làm chứng có văn bản xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Minh Q, có địa chỉ ấp Khu Phố, xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Võ Minh Q được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Ngọc T và anh Võ Minh Quan kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số: 30 ngày 11/4/2008 và chị Huỳnh Ngọc T, anh Võ Minh Q kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Huỳnh Ngọc T cho rằng: Thời gian chung sống được 28 năm nhưng không hạnh phúc, nguyên nhân do anh Võ Minh Q đi nhậu về gây chuyện, chửi vợ, con. Từ đó, vợ chồng sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Minh Q. Hiện tại chị Huỳnh Ngọc T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Minh Q. Xét lời trình bày của nguyên đơn cũng phù hợp với lời khai từ người làm chứng mà Tòa án T chấp được. Sự việc tranh chấp Tòa án đã nhiều lần mời vợ chồng chị Huỳnh Ngọc T và anh Võ Minh Q hòa giải nhưng chị T xin vắng mặt, anh Q thì không tham gia. Từ đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Ngọc T là phù hợp quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị Huỳnh Ngọc T và anh Võ Minh Q có 02 con chung là Võ Thanh T, sinh ngày 12/12/2097 và Võ Thị Yến K, sinh ngày 17/8/2006 đã trưởng thành, không Tộc trường hợp phải cấp dưỡng. Chị Huỳnh Ngọc T và anh Võ Minh Q không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Ngọc T và anh Võ Minh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc T.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Huỳnh Ngọc T được ly hôn với anh Võ Minh Q.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Huỳnh Ngọc T đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai T số 0011949 ngày 14/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
 - Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
 - Ủy ban nhân dân xã H
- (Giấy kết hôn số: 30, ngày 11/4/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong